

Bản án số: 25/2020/HSST
Ngày: 20-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Nguyễn Xuân Thí .

+ Ông: Nguyễn Xuân Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2020/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 489/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo: **Võ Văn N**, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1993 tại: Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Võ Văn Đ và bà: Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2019, đến ngày 27/3/2020 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp “Bảo lãnh” cho đến nay.

2. Bị cáo: **Võ Đức H**, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1992 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố 11, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Võ Xuân K và bà: Nguyễn Thị A; có vợ: Phạm Thị Thu G; có 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2019, đến ngày 27/02/2020 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp “Bảo lãnh” cho đến nay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn H, sinh ngày 24/7/1992

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

2. Chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 19/10/1999

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

3. Chị Trần Thị T, sinh ngày 20/11/1975

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

4. Anh Nguyễn Thái T, sinh ngày 30/3/1971

Địa chỉ: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

5. Anh Hoàng Minh T, sinh ngày 08/10/1964

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

6. Chị Đoàn Thị B, sinh ngày 20/5/1986

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

7. Anh Nguyễn Thế H, sinh ngày 28/10/1989

Địa chỉ : Tổ dân phố 3, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

8. Anh Võ Minh T, sinh ngày 25/10/1989

Địa chỉ Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

9. Anh Nguyễn Hùng N, sinh ngày 19/6/1994

Địa chỉ: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

10. Chị Phan Thị T, sinh ngày 10/10/1975

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

11. Chị Trần Thị N, sinh ngày 06/10/1977

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

12. Anh Trần Bình A, sinh ngày 06/8/1992

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

13. Chị Nguyễn Thị Tuyết, sinh ngày 06/8/1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

14. Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 05/9/1979

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

15. Bà Nguyễn Thị O, sinh ngày 10/9/1965

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

16. Anh Nguyễn H, sinh ngày 25/4/1992

Địa chỉ: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

17. Anh Trần Tiến D, sinh ngày 26/01/1989

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

18. Chị Đặng Thị Tiểu H, sinh ngày 15/8/1985

Địa chỉ: Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

19. Chị Trần Thị L, sinh ngày 06/6/1976

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

20. Bà Phạm Thị H, sinh ngày 17/9/1964
Địa chỉ cư trú: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
21. Anh Nguyễn Quốc T, sinh ngày 22/11/1981,
Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
22. Chị Võ Thị N, sinh ngày 06/5/1989
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
23. Chị Nguyễn Thị Hoài V, sinh ngày 25/5/1970
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
24. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
25. Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/5/1971
Địa chỉ: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
26. Chị Trần Thị N, sinh ngày 10/10/1973
Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
27. Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/02/1976
Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
28. Chị Phan Thị Minh H, sinh ngày 16/10/1985
Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
29. Chị Hoàng Thị H, sinh ngày 12/8/1976
Địa chỉ cư trú: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình
30. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1970,
Địa chỉ: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
31. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
32. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971
Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
33. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;
34. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969
Địa chỉ: Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
35. Chị Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1983
Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
36. Chị Trương Thị H, sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;
37. Bà Dư Thị N, sinh năm 1955
Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
38. Bà Dương Thị B, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

39. Chị Đậu Thị N, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

40. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

41. Chị Trần Thị Sông H, sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố H, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

42. Chị Quảng Thị Kim H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

43. Chị Dương Thị L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

44. Chị Nguyễn Thị Tố N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

45. Anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

46. Anh Phan Thùy T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

47. Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

48. Anh Võ Trung H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

49. Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1994

Địa chỉ: TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

50. Chị Dương Thị B, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

51. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

52. Anh Hà Ngọc L, sinh ngày 02/10/1992

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

53. Anh Trần B, sinh ngày 08/3/1995

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

54. Anh Phan Thanh N, sinh ngày 15/02/1992

Địa chỉ: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

55. Anh Trần L, sinh ngày 26/4/2000

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

56. Anh Trần Quang M, sinh ngày 14/02/1992

Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

57. Anh Trần Văn Hải, sinh ngày 06/9/1989
Địa chỉ: TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
58. Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/10/1984
Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
59. Anh Trần Quang H, sinh ngày 04/6/1994
Địa chỉ: TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
60. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 07/7/1980
Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
61. Bà Nguyễn Thị C, sinh ngày 12/5/1966
Địa chỉ: Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
62. Chị Đinh Thị T, sinh năm 1977
Địa chỉ: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
63. Bà Trịnh Thị T, sinh ngày 20/9/1954
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
64. Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/10/1961
Địa chỉ: Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
65. Chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 30/7/1991
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;
66. Chị Hồ Thị Thanh B, sinh ngày 30/8/1971
Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
67. Bà Nguyễn Thị V, sinh ngày 02/10/1967
Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
68. Bà Trần Thị Kim T, sinh ngày 19/9/1965
Địa chỉ: Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
69. Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/10/1972
Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
70. Bà Hoàng Thị H, sinh ngày 13/6/1963
Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
71. Bà Trần Thị N, sinh ngày 20/10/1967
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
72. Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/10/1979
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
73. Chị Trần Thị N, sinh ngày 10/02/1978
Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
74. Chị Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1976
Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
75. Bà Hoàng Thị H, sinh ngày 08/8/1969
Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

76. Chị Phan Thị Cẩm T, sinh ngày 12/9/1982

Địa chỉ: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

77. Chị Phạm Thị Mai H, sinh ngày 15/8/1981

Địa chỉ : Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

78. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958

Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

79. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/9/1980

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

80. Anh Nguyễn Xuân T, sinh ngày 10/01/1980

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 12 năm 2019, Võ Văn N đi đến huyện M, dọc đường thấy có xe ô tô dừng bán pháo, N đã mua 20 hộp pháo (loại 36 quả/hộp) với giá 500.000đ/hộp rồi chở về nhà tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cất giấu nhằm mục đích sử dụng đốt trong dịp tết. Ngày 28/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình phát hiện thu giữ toàn bộ số pháo trên.

Tại Bản Kết luận giám định số 36/GĐ-PC09, ngày 30/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: 20 hộp pháo được trưng cầu giám định: “Là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ), khối lượng 28,2 kg (Hai mươi tám phẩy hai ki lô gam)”.

Từ đầu năm 2018 đến tháng 12 năm 2019, Võ Văn N đã cho 80 người ở các địa bàn: thị xã B, huyện Q và huyện B vay 188 gói vay, với tổng số tiền gốc cho vay là 4.012.000.000đ (Bốn tỷ, không trăm mười hai triệu đồng), mức lãi suất thấp nhất 109,5%/năm, cao nhất 365%/năm, gấp 5,47 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. N thỏa thuận với người vay theo hai phương thức cho vay, gồm: Gói vay thu lãi một lần (nghĩa là cắt lãi trước một lần vào đầu kỳ hạn vay, tiền gốc chia ra trả góp hàng ngày) và gói vay thu lãi định kỳ (nghĩa là trả lãi đúng, định kỳ người vay phải trả lãi một lần vào đầu kỳ hạn, chỉ khi nào người vay thanh toán đủ tiền gốc thì không còn phải nộp tiền lãi). Thủ tục cho vay được thực hiện như sau: Người vay chỉ cần để lại Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân hoặc Giấy phép lái xe (nếu vay lần đầu), trước khi nhận tiền vay, người vay phải viết giấy mượn tiền (có ghi thời hạn nhưng không ghi lãi suất) nhằm tránh bị phát hiện. Võ Văn N theo dõi việc cho vay bằng cách tự ghi chép vào sổ tay cá nhân, trong đó ghi thông tin người vay, số tiền vay, lãi suất và thời gian trả. Những trường hợp đã trả xong, N xé bỏ trang đó đi, không lưu giữ.

Võ Văn N đã thu tổng số tiền gốc là 1.886.150.000 đồng, tiền lãi 20% (được phép thu) là 113.416.438 đồng, tiền thu lợi bất chính là 933.118.562 đồng, tiền gốc người vay chưa trả là 2.125.850.000 đồng.

Từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 12/2019, Võ Văn N còn thuê Võ Đức H đi thu tiền trả góp hàng ngày của 30 người vay (trong tổng số 80 người vay nói trên) về nộp lại cho N, ngoài ra H còn đi giao tiền vay cho một số người vay theo yêu cầu của N; tổng số tiền thu lợi bất chính mà Võ Đức H đồng phạm với Võ Văn N là 114.969.932 đồng.

Hành vi cho vay lãi nặng của Võ Văn N và Võ Đức H được thực hiện cụ thể như sau:

1. Trần Văn H, sinh ngày 24/7/1992, trú tại: Tổ dân phố (TDP) T, phường Q, thị xã B vay 01 gói: Ngày 06/6/2019 Trần Văn H vay 2.000.000đ với lãi suất 10.000đ/1.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận vay 60 ngày, tương ứng lãi suất 365%/năm. N đã thu tiền lãi 60 ngày x 20.000 đồng/ ngày = 1.200.000đồng, lãi suất 20% theo quy định của pháp luật của gói vay là 2.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 60 ngày = 65.753 đồng, như vậy N đã thu lợi bất chính **1.134.247đ**. Trần Văn H đã trả đủ tiền gốc 2.000.000 đồng.

2. Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 19/10/1999, trú tại: TDP C, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn vay 01 gói: Ngày 21/3/2018 chị V vay 10.000.000đ, với lãi suất 10.000đ/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay 30 ngày, tương ứng lãi suất 365%/năm. N đã thu tiền lãi 30 ngày là 3.000.000đ, trong đó lãi suất 20% theo quy định là 10.000.000 đồng x 20%/365 x 30 ngày = 164.384 đồng, N thu lợi bất chính **2.835.616đ**. Chị V đã trả đủ tiền gốc.

3. Trần Thị T, sinh ngày 20/11/1975, trú tại: TDP N, phường Q thị xã B vay 01 gói: Ngày 02/6/2018 chị Thu vay 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay 50 ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi 50 ngày là 3.000.000đ, mức lãi 20% theo quy định là 10.000.000 đ x 20%/365 ngày x 50 ngày = 273.973 đồng, N thu lợi bất chính **2.726.027đ**. Chị T đã trả đủ tiền gốc.

4. Nguyễn Thái T, sinh ngày 30/3/1971, cư trú tại: Khu phố (KP) 5, phường B, thị xã B vay 01 gói: Ngày 20/7/2018 anh T vay 5.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay 30 ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi 30 ngày là 1.050.000đ, lãi 20% là 82.192 đồng, N thu lợi bất chính số tiền là: **967.808đ**. Anh T đã trả đủ tiền gốc.

5. Hoàng Minh T, sinh ngày 08/10/1964, trú tại: TDP T, phường Q, thị xã B vay 01 gói: Ngày 30/7/2018 anh T vay 8.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm; thỏa thuận trả lãi định kỳ 30 ngày. N đã thu tiền lãi 08 định kỳ (240 ngày) là 9.600.000đ, trong đó: lãi 20% là 1.052.055 đồng, thu lợi bất chính số tiền là: **8.547.945đ**. Anh T đã trả đủ tiền gốc.

6. Đoàn Thị B, sinh ngày 20/5/1986, trú tại: TDP T, phường Q, thị xã B, vay 15 gói:

- Gói 1: Ngày 31/01/2019 chị B vay 15.000.000đ, tiền lãi 4.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 146%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 1.800.000đ, trong đó: thu lợi bất chính 1.553.425đ. Chị B đã trả đủ tiền gốc.
- Gói 2 đến gói 6: Trong các ngày: 5/3/2019; 10/3/2019; 21/4/2019; 24/5/2019; 20/7/2019 chị B vay 05 gói, mỗi gói 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi 4.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 146%/năm. N đã thu đủ tiền lãi của mỗi gói vay 30 ngày là 1.200.000đ x 05 gói = 6.000.000đ, trong đó, lãi 20% là 821.920 đồng, thu lợi bất chính 5.178.080đ. Chị B đã trả đủ tiền gốc của 05 gói vay.
- Gói 7: Ngày 18/9/2019 chị B vay 20.000.000đ, tiền lãi 4.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 146%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 2.400.000đ, trong đó: lãi 20% là 328.767 đồng, thu lợi bất chính: 2.071.233đ. Chị B đã trả đủ tiền gốc.
- Gói 8: Ngày 09/10/2019 chị B vay 10.000.000đ, tiền lãi 4.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 146%/năm. N đã thu đủ tiền lãi của gói vay 30 ngày là 1.200.000đ, trong đó: lãi 20% là 164.384 đồng, thu lợi bất chính 1.035.616 đồng. Chị B chưa trả tiền gốc.
- Gói 9: Ngày 06/12/2019 chị B vay 30.000.000đ, tiền lãi 4.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 146%/năm. N đã thu đủ tiền lãi của gói vay 10 ngày là 1.200.000đ, trong đó: lãi 20% là 164.384 đồng, thu lợi bất chính 1.035.616 đồng. Chị B chưa trả tiền gốc.
- Gói 10: Ngày 15/12/2019 chị B vay 30.000.000đ, tiền lãi 4.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 146%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 1.200.000đ, trong đó: lãi 20% là 164.384 đồng, thu lợi bất chính 1.035.616 đồng. Chị B chưa trả tiền gốc.
- Gói 11 trả góp: Tháng 12/2019 chị B vay 45.000.000đ, thời hạn 45 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay là 6.075.000đ, trong đó: lãi 20% là 1.109.589 đồng, thu lợi bất chính 4.965.411đ. Chị B đã trả đủ tiền gốc theo hình thức trả góp hàng ngày.
- Gói 12 trả góp: Ngày 12/11/2019 chị B vay 60.000.000đ, thời hạn 40 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay là 7.200.000đ, trong đó: lãi 20% là 1.315.068 đồng, thu lợi bất chính 5.884.932 đồng. Chị B đã trả đủ tiền gốc theo hình thức trả góp hàng ngày.
- Gói 13 trả góp: Ngày 21/11/2019 chị B vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn 30 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 1.350.000đ, trong đó: lãi 20% là 246.575 đồng, thu lợi bất chính số tiền là: 1.103.425đ. Chị B đã trả đủ tiền gốc theo hình thức trả góp hàng ngày.
- Gói 14 trả góp: Ngày 21/12/2019 chị B vay số tiền 21.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 1.890.000đ, trong đó, lãi 20% là 345.205 đồng thu lợi bất chính 1.544.795đ. Chị B đã trả đủ tiền gốc theo hình thức trả góp hàng ngày.
- Gói 15 trả góp: Ngày 27/12/2019 chị B vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 1.500.000đ, trong đó, lãi 20% là 273.973 đồng, thu lợi bất chính số

tiền là: 1.226.027 đồng. Chị B đã trả tiền gốc cho N được 1 ngày với số tiền là 800.000đ, còn nợ gốc 19.200.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính của chị B tổng số tiền là: **26.634.176đ**. Trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp từ gói 11 đến gói 15, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính số tiền 14.724.590đ.

- Chị B còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **89.200.000đ**.

7. Nguyễn Thế H, sinh ngày 28/10/1989, trú tại: TDP 3, phường Q, thị xã B vay 01 gói: Ngày 23/9/2018 anh Hùng vay số tiền 7.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 90 ngày là 3.780.000đ, trong đó, lãi suất 20% là 345.205 đồng, thu lợi bất chính số tiền là: 3.434.795đ. Anh H đã trả đủ tiền gốc.

8. Võ Minh T, sinh ngày 25/10/1989, trú tại: TDP M, Phường Q, thị xã B vay 03 gói:

- Gói 1: Ngày 19/2/2018 anh T vay số tiền 50.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 7.500.000đ, trong đó, lãi 20% là 918 đồng, thu lợi bất chính số tiền là: 6.678.082 đồng. Anh T đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 07/5/2018 anh T vay số tiền 300.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 45.000.000đ, trong đó, lãi 20% là 931.507 đồng, thu lợi bất chính số tiền là: 40.068.493đ. Anh T đã trả 20.000.000đ tiền gốc, còn nợ 280.000.000đ.

- Gói 3: Ngày 29/7/2018 anh T vay số tiền 50.000.000đ, tiền lãi tính 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 7.500.000đ, trong đó, lãi 20% là 821.918 đồng, thu lợi bất chính số tiền là: 6.678.082đ. Anh T đã trả đủ tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính tổng số tiền là: **53.424.657đ**.

- Anh T còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **280.000.000đ**.

9. Nguyễn Hùng N, sinh ngày 19/6/1994, trú tại: Khu phố 1, phường B, thị xã B vay 07 gói:

- Gói 1: Ngày 03/11/2018 anh N vay 50.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 210 ngày là 52.500.000đ, trong đó, lãi 20% là 5.753.425 đồng, thu lợi bất chính số tiền là: 46.746.575đ. Anh N chưa trả tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 18/3/2019 anh N vay 50.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 150 ngày là 37.500.000đ, trong đó lãi 20% là 4.109.589 đồng, thu lợi bất chính số tiền là: 33.390.411đ. Anh N chưa trả tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 26/3/2019 anh N vay 50.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 150 ngày là 37.500.000đ, trong

đó, lãi 20% là 4.109.589 đồng, thu lợi bất chính số tiền là: 33.390.411 đồng. Anh N chưa trả tiền gốc.

- Gói 4: Ngày 29/4/2019 anh N vay 100.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 150 ngày là 75.000.000đ, trong đó, lãi 20% là 8.219.178 đồng, thu lợi bất chính là: 66.780.822 đồng. Anh N chưa trả tiền gốc.

- Gói 5: Ngày 27/8/2019 anh N vay 100.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5% năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 15.000.000đ, trong đó, lãi 20% là 1.643.836 đồng, thu lợi bất chính là: 13.356.164 đồng. Anh N chưa trả tiền gốc.

- Gói 6: Ngày 09/10/2019 anh N vay 70.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 10.500.000đ, trong đó, lãi 20% là 1.150.685 đồng, thu lợi bất chính là: 9.349.315 đồng. Anh N đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 7: Ngày 05/11/2019 anh N vay 100.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 5.000.000đ, trong đó, lãi 20% là 547.945 đồng, thu lợi bất chính là: 4.452.055đ. Anh N chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính của anh N tổng số tiền là: **207.465.753đ.**

- Anh N còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **450.000.000đ.**

10. Phan Thị T, sinh ngày 10/10/1975, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 20/12/2018, chị T vay 50.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 120 ngày là 42.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 38.712.329đ. Chị T chưa trả tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 10/9/2019, chị T vay 30.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 6.300.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 5.806.849đ. Chị T chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính của chị T tổng số tiền là: **44.519.178đ.**

- Chị T còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **80.000.000đ.**

11. Trần Thị N, sinh ngày 06/10/1977, trú tại: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, vay 06 gói:

- Gói 1: Ngày 20/4/2019, chị N vay số tiền 30.000.000đ, tiền lãi 10.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 365%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 18.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 17.013.699đ. Chị N đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 22/4/2019, chị N vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 10.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 365%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 12.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 11.342.466đ. Chị N đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 17/9/2019, chị N vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 900.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 817.808đ. Chị N đã trả đủ tiền gốc.
- Gói 4: Ngày 27/9/2019, chị N vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 600.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 545.205đ. Chị N đã trả đủ tiền gốc.
- Gói 5: Ngày 09/11/2019, chị N vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 300.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 272.603đ. Chị N đã trả đủ tiền gốc.
- Gói 6 trả góp: Trong tháng 9/2019 chị N vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 4.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.678.082đ. Chị N đã trả tiền gốc 20 ngày với số tiền là 12.000.000đ, còn nợ 18.000.000đ.
- Võ Văn N thu lợi bất chính của chị N tổng số tiền là: **33.669.863đ**. Trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp gói 6, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính số tiền 3.678.082đ.
- Chị N còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **18.000.000đ**.

12. Trần Bình A, sinh ngày 06/8/1992, trú tại: Khu phố 3, phường B, thị xã B vay 01 gói:

Ngày 21/3/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 90 ngày là 2.250.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.003.425đ. Anh A đã trả đủ tiền gốc.

13. Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/8/1967, trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 21/3/2019, vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 150 ngày là 15.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 13.356.164đ. Chị T đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 12/4/2019, vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 150 ngày là 11.250.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 10.017.123đ. Chị T đã trả đủ tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính của chị T số tiền là: **23.373.287đ**.

14. Nguyễn Thị H, sinh ngày 05/9/1979, trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, vay 08 gói:

- Gói 1: Ngày 31/3/2019, vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 3.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.671.233đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 30/6/2019, vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 1.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.335.616đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 02/8/2019, vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 3.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.671.233đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 4: Ngày 04/8/2019, vay số tiền 60.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 9.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 8.013.699đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 5: Ngày 16/9/2019, vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 1.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.335.616đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 6: Ngày 13/11/2019, vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 1.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.335.616đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 7 trả góp: Trong tháng 11/2019 chị H vay số tiền 40.000.000đ, thời hạn vay 40 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 4.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.923.288đ. Chị H đã trả tiền gốc được 17 ngày với số tiền là 17.000.000đ, còn nợ gốc 23.000.000đ.

- Gói 8 trả góp: Trong tháng 01/12/2019 chị H vay số tiền 40.000.000đ, thời hạn vay 40 ngày, tiền lãi tính 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 4.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.923.288đ. Chị H đã trả tiền gốc cho N được 07 ngày với số tiền là 7.000.000đ, còn nợ gốc 33.000.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính của chị H tổng số tiền là: **25.209.589đ**, Trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp gói 7 và 8, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính số tiền 7.846.576đ.

- Chị H còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **56.000.000đ**.

15. Nguyễn Thị O, sinh ngày 10/9/1965, trú tại: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B vay 06 gói:

- Gói 1: Ngày 05/4/2019, vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 2.250.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.003.425đ. Chị O đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 26/6/2019, vay số tiền 25.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 50 ngày là 6.250.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 5.565.068đ. Chị O đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 18/8/2019, vay số tiền 25.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 120 ngày là 18.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 16.356.164đ. Chị O chưa trả tiền gốc.

- Gói 4: Ngày 11/9/2019, vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 120 ngày là 7.200.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 6.542.466đ. Chị O chưa trả tiền gốc.

- Gói 5 trả góp: Ngày 09/11/2019 chị O vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 2.250.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.839.041đ. Chị O đã trả tiền gốc được 36 ngày với số tiền là 10.800.000đ, còn nợ gốc 4.200.000đ.

- Gói 6 trả góp: Ngày 12/12/2019 chị O vay số tiền 12.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 1.080.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 882.740đ. Chị O đã trả tiền gốc được 15 ngày với số tiền là 6.000.000đ, còn nợ gốc 6.000.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính của chị O số tiền là: **33.188.904đ**, trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp gói 5 và 6, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính số tiền 2.721.781đ.

- Chị O còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **45.200.000đ**.

16. Nguyễn H, sinh ngày 25/4/1992, trú tại: Khu phố 5, phường B, thị xã B, vay 04 gói:

- Gói 1: Ngày 10/4/2019 vay số tiền 2.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 300.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 267.123đ. Anh H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 03/7/2019 vay số tiền 3.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 450.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 400.685đ. Anh H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 11/9/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 1.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.335.616đ. Anh H chưa trả tiền gốc.

- Gói 4: Ngày 16/11/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 750.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 667.808đ. Anh H chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **2.671.232đ**.

- Anh H còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **15.000.000đ**.

17. Trần Tiến D, sinh ngày 26/01/1989, trú tại: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 14/4/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 1.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **1.635.616đ**. Anh D đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 17/5/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 1.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **1.635.616đ**. Anh D đã trả đủ tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **3.271.232đ**.

18. Đặng Thị Tiểu H, sinh ngày 15/8/1985, trú tại: Khu phố 4, phường B, thị xã B, vay 04 gói:

- Gói 1: Ngày 17/4/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 210 ngày là 10.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 9.349.315đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 02/8/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 120 ngày là 3.600.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.271.233đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 09/8/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 120 ngày là 7.200.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 6.542.466đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Gói 4 trả góp: Ngày 08/12/2019 chị H vay số tiền 25.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền

lãi của gói vay là 3.750.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.065.068đ. Chị H đã trả tiền gốc cho N được 27 ngày với số tiền là 13.500.000đ, còn nợ gốc 11.500.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **22.228.082đ**.

- Chị H còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **36.500.000đ**.

19. Trần Thị L, sinh ngày 06/6/1976, trú tại: Khu phố 3, phường B, thị xã B, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 17/4/2019 vay số tiền 30.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/ năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 9.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **8.013.699đ**. Chị L đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 25/5/2019 vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 4.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **4.006.849đ**. Chị L đã trả đủ tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **12.020.548đ**.

20. Phạm Thị Hương, sinh ngày 17/9/1964, trú tại: Khu phố 5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 16/5/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 210 ngày là 5.250.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 4.674.658đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 24/8/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 120 ngày là 3.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.671.233đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **7.345.891đ**.

21. Nguyễn Quốc T, sinh ngày 22/11/1981, trú tại: Tổ dân phố Minh Lợi, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 18/5/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 1.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **1.335.616đ**. Anh T đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 11/6/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 3.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **2.671.233đ**. Anh T đã trả đủ tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **4.006.849đ**.

22. Võ Thị N, sinh ngày 06/5/1989, trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, vay 04 gói:

- Gói 1: Ngày 19/5/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 90 ngày là 5.400.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 4.906.849đ. Chị N đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 08/6/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 3.600.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.271.233đ. Chị N đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 08/7/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 1.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.635.616đ. Chị N đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 4 trả góp: Ngày 17/11/2019 vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 1.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.226.027đ. Chị N đã trả đủ tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **11.039.725đ**, trong đó Võ Đức Hùng thu tiền trả góp gói 4, đồng phạm với N khoản tiền thu lợi bất chính 1.226.027đ.

23. Nguyễn Thị Hoài V, sinh ngày 25/5/1970, trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, vay 03 gói:

- Gói 1: Ngày 23/5/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 3.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.671.233đ. Chị V đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 11/8/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 1.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.635.616đ. Chị V đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 05/12/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 1.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.335.616đ. Chị V chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **5.642.465đ**.

- Chị V còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **10.000.000đ**.

24. Hoàng Thị H, sinh năm 1972, trú tại: Thôn V, xã Q, thị xã B, vay 05 gói:

- Gói 1: Ngày 29/5/2019 vay số tiền 30.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 6.300.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 5.806.849đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 24/7/2019 vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 4.200.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.871.233đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 11/9/2019 vay số tiền 40.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 8.400.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 7.742.466đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 4: Ngày 09/11/2019 vay số tiền 100.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 37 ngày là 25.900.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 23.872.603đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Gói 5: Ngày 09/12/2019 vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/ năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 1.400.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.290.411đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **42.583.562đ**.

- Chị H còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **120.000.000đ**.

25. Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/5/1971, trú tại: Khu phố 6, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, vay 04 gói:

- Gói 1: Ngày 08/6/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 3.600.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 3.271.233đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 17/8/2019 vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 2.700.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 2.453.425đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 06/12/2019 vay số tiền 40.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 2.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 2.580.822đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Gói 4 trả góp: Trong năm 2019 vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay là 2.250.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.839.041đ. Chị H đã trả tiền gốc cho N được 3.300.000đ, còn nợ gốc 11.700.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: 10.144.521đ, trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp gói 4, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 1.839.041đ.

- Chị H còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **51.700.000đ**.

26. Trần Thị N, sinh ngày 10/10/1973, trú tại: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, vay 01 gói:

Ngày 05/6/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 40 ngày là 1.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **890.411đ**. Chị N chưa trả tiền gốc **5.000.000đ**.

27. Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/02/1976, trú tại: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 16/5/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 3.600.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.271.233đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Gói 2 trả góp: Ngày 25/8/2019 vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay là 1.350.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.103.425đ. Chị H đã trả tiền gốc 12.500.000đ, sau đó chị H đã trả thêm 8.000.000đ, hiện còn nợ gốc cả hai gói là 4.500.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: 4.373.658đ, trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 1.103.425đ.

- Chị H còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **4.500.000đ**.

28. Phan Thị Minh H, sinh ngày 16/10/1985, trú tại: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, vay 03 gói:

- Gói 1: Ngày 27/6/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 120 ngày là 7.200.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **6.542.466đ**. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 04/9/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 1.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **1.635.616đ**. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 19/10/2019 vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 2.700.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **2.453.425đ**. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: 10.631.507đ.

29. Hoàng Thị H, sinh ngày 12/8/1976, trú tại: Thôn V, xã Q, thị xã B, vay 06 gói:

- Gói 1: Ngày 23/6/2019 vay số tiền 50.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 10.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 9.678.082đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 30/9/2019 vay số tiền 50.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 10.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 9.678.082đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 03/10/2019 vay số tiền 30.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 6.300.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 5.806.849đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 4: Ngày 09/11/2019 vay số tiền 50.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 10.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 9.678.082đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 5: Ngày 09/12/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 700.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 645.205đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 6: Ngày 28/12/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 700.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 645.205đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **36.131.505đ**

- Chị H còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **10.000.000đ**.

30. Nguyễn Thị K, sinh năm 1970, trú tại: Khu phố 5, phường B, thị xã B, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 08/7/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 120 ngày là 3.600.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.271.233đ. Chị K chưa trả tiền gốc.

- Gói 2 trả góp: Ngày 26/5/2019 vay số tiền 21.000.000đ, thời hạn vay 70 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay là 4.410.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.604.521đ. Chị K đã trả tiền gốc cho N 43 ngày là 12.900.000đ, còn nợ gốc 7.100.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **6.875.754đ**, trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp gói 2, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính : 3.604.521đ.

- Chị K còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **13.100.000đ**.

31. Nguyễn Thị M, sinh ngày 06/7/1976, trú tại: Thôn V, xã Q, thị xã B, vay 03 gói:

- Gói 1 và 2: Ngày 08/7/2019 và 22/7/2019, chị Minh vay 02 gói, mỗi gói 20.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của mỗi gói vay 90 ngày là 12.600.000đ x 2 gói=25.200.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 23.227.398đ. Chị M chưa trả tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 13/9/2019 vay số tiền 50.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 10.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 9.678.082đ. Chị M chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **32.905.480đ**.

- Chị M còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **90.000.000đ**.

32. Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/8/1971, trú tại: Khu phố 3, phường B, thị xã B, vay 03 gói:

- Gói 1: Ngày 10/8/2019 vay số tiền 6.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 90 ngày là 3.240.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.944.110đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 12/8/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 90 ngày là 5.400.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 4.906.849đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 26/10/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 300.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 272.603đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **8.123.562đ**

- Chị H còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **5.000.000đ**.

33. Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/11/1969, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 12/7/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/ năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 4.200.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.871.233đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2 trả góp: Ngày 11/10/2019 vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 100 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay là 15.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 12.260.274đ. Chị H đã trả tiền gốc cho N 20 ngày là 10.000.000đ, còn nợ gốc 40.000.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **16.131.507đ**, trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp gói 2, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 12.260.274đ.

- Chị H còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **40.000.000đ**.

34. Nguyễn Thị N, sinh ngày 10/10/1969, cư trú tại: Khu phố 4, phường B, thị xã B, vay 01 gói:

Ngày 20/7/2019 vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 90 ngày là 9.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **8.013.699đ**. Chị N chưa trả tiền gốc.

35. Nguyễn Thị Thanh X, sinh ngày 01/8/1983, trú tại: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, vay 04 gói:

- Gói 1: Ngày 20/7/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 140 ngày là 9.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 9.032.877đ. Chị X đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 17/8/2019 vay số tiền 7.000.000đ, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 20 ngày là 420.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 343.288đ. Chị X đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 10/11/2019 vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 200 ngày là 2.100.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 1.935.616đ. Chị X đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 4 trả góp: Tháng 12/2019 vay số tiền 27.000.000đ, thời hạn trả 30 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 2.430.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.986.164đ. Chị X đã trả tiền gốc cho N được 10.800.000đ.

- Võ Văn N thu lợi vượt quá số tiền là: **13.297.945đ**, trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp gói 4, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 1.986.164đ.

- Chị còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **16.200.000đ**.

36. Trương Thị H, sinh ngày 03/10/1972, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, vay 05 gói:

- Gói 1: Ngày 23/7/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 2.100.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.935.616đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 30/7/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 2.100.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.935.616đ. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 27/9/2019 vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 90 ngày là 12.600.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 11.613.699đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Gói 4: Ngày 09/10/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 77 ngày là 5.390.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 4.968.082đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Gói 5: Ngày 19/12/2019 vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 1.050.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 967.808đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **21.420.821đ**.

- Chị H còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **45.000.000đ**.

37. Dư Thị Ngợi, sinh ngày 11/01/1955, trú tại: Khu phố 3, phường B, thị xã B, vay 02 gói, cụ thể:

- Gói 1: Ngày 17/10/2019 vay số tiền 25.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 1.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **1.363.014đ**. Chị N đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 24/7/2019 vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 3.600.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **3.271.233đ**. Chị N đã trả đủ tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **4.634.247đ**.

38. Dương Thị B, sinh ngày 25/11/1969, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, vay 01 gói trả góp:

Ngày 26/11/2019 vay số tiền 40.000.000đ, thời hạn vay 100 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay là 12.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 9.808.219đ. Chị B đã trả tiền gốc cho N được 40 ngày là 16.000.000đ, còn nợ tiền gốc là: 24.000.000đ. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính **9.808.219đ**.

39. Đặng Thị N, sinh ngày 02/01/1972, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 13/8/2019 vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 80 ngày là 8.400.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 7.742.466đ. Chị N đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 27/9/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 36 ngày là 2.520.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 2.322.740đ. Chị N đã trả đủ tiền gốc.

Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **10.065.206đ**.

40. Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/11/1985, trú tại: Khu phố 3, phường B, thị xã B, vay 03 gói:

- Gói 1: Ngày 9/8/2019 vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 90 ngày là 8.100.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 7.360.274đ. Chị L chưa trả tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 08/10/2019 vay số tiền 4.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 720.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 654.247đ. Chị L chưa trả tiền gốc.

- Gói 3 trả góp: Ngày 20/12/2019 vay số tiền 21.000.000đ, thời hạn vay 70 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay là 4.410.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.604.521đ. Chị L đã trả tiền gốc cho N được 8 ngày là 2.400.000đ, còn nợ gốc 18.600.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **11.619.042đ**, Võ Đức Hùng thu tiền trả góp gói 3, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 3.604.521đ.

- Chị L còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **37.600.000đ**.

41. Trần Thị Sông H, sinh ngày 10/10/1977, trú tại: Tổ dân phố H, phường Q, thị xã B, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 15/8/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 100 ngày là 6.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 5.452.055đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Gói 2 trả góp: Tháng 11/2019 vay số tiền 21.000.000đ, thời hạn vay 70 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 4.410.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.604.521đ. Chị H chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **9.056.576đ**, Võ Đức Hùng thu tiền trả góp gói 2, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 3.604.521đ.

- Chị H còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **31.000.000đ**.

42. Quảng Thị Kim H, sinh ngày 19/10/1993, trú tại: Khu phố 6, phường B, thị xã B, vay 1 gói trả góp:

Tháng 11/2019 vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 1.350.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.103.425đ. Chị H đã trả tiền gốc cho N được 27 ngày là: 13.500.000đ, còn nợ gốc **1.500.000đ**.

Võ Đức H thu tiền trả góp của chị H, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính **1.103.425đ**.

43. Dương Thị L, sinh ngày 09/10/1970, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, vay 1 gói:

Ngày 22/08/2019 vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 4.200.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **3.871.233đ**. Chị L chưa trả tiền gốc.

44. Nguyễn Thị Tố N, sinh ngày 09/9/1983, trú tại: Tổ dân phố H, phường Q, thị xã B, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 4/9/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 90 ngày là 5.400.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 4.906.849đ. Chị N chưa trả tiền gốc.

- Gói 2 trả góp: Ngày 13/10/2019 vay số tiền 21.000.000đ, thời hạn vay 70 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay là 4.410.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.604.521đ. Chị N đã trả tiền gốc cho N 17 ngày là: 5.100.000đ, còn nợ gốc 15.900.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **8.511.370đ**, Võ Đức H thu tiền trả góp gói 2, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 3.604.521đ.

- Chị N còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **25.900.000đ**.

45. Phạm Hoàng L, sinh ngày 25/10/1990, cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện Q, vay 03 gói, cụ thể:

- Gói 1: Ngày 13/9/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 110 ngày là 7.700.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 7.097.260đ. Anh L chưa trả tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 22/9/2019 vay số tiền 8.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 100 ngày là 5.600.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 5.161.644đ. Anh L chưa trả tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 10/12/2019 vay số tiền 12.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 20 ngày là 1.680.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.548.493đ. Anh L chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **13.807.397đ**.

- Anh L còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **30.000.000đ**.

46. Phan Thùy T, sinh ngày 01/01/1975, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, vay 2 gói:

- Gói 1: Ngày 13/9/2019 vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 4.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 4.006.849đ. Anh T chưa trả tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 2/12/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 500.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 445.205đ. Anh T chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **4.452.054đ**

- Anh T còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **25.000.000đ**.

47. Nguyễn Hồng T, sinh ngày 18/3/1994, trú tại: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, vay 2 gói:

- Gói 1: Ngày 16/9/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 50 ngày là 3000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.726.027đ. Anh T chưa trả tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 17/9/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 50 ngày là 3.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.726.027đ. Anh T chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **5.452.055đ**

- Anh T còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **20.000.000đ**.

48. Võ Trung H, sinh ngày 08/10/1987, trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, vay 1 gói:

Ngày 8/9/2019 vay số tiền 15.000.000đ, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109.5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 2.700.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **2.206.849đ**. Anh H chưa trả tiền gốc.

49. Trần Ngọc C, sinh ngày 15/7/1994, trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, vay 1 gói:

Ngày 22/9/2019 vay số tiền 30.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182.5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 1.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **1.335.616đ**. Anh C đã trả đủ tiền gốc.

50. Dương Thị B, sinh ngày 02/9/1983, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, vay 5 gói:

- Gói 1: Ngày 27/9/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255.5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 40 ngày là 2.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.580.822. Chị B đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 9/10/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255.5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 40 ngày là 2.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 2.580.822. Chị B đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 9/11/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255.5%/ năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 40 ngày là 2.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 2.580.822. Chị B đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 4: Ngày 18/12/2019 vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255.5%/ năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 20 ngày là 2.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 2.580.822. Chị B chưa trả tiền gốc.

- Gói 5: Ngày 20/12/2019 vay số tiền 30.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255.5%/ năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 20 ngày là 4.200.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 3.871.233. Chị B chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **14.194.521đ**.

- Chị B còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **50.000.000đ**.

51. Nguyễn Thanh P, sinh ngày 04/10/1978, trú tại: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, vay 1 gói:

Ngày 3/10/2019 vay số tiền 7.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 2.520.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.289.863. Anh P chưa trả tiền gốc.

52. Hà Ngọc L, sinh ngày 02/10/1992, trú tại: Tổ dân phố 1, phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn, vay 1 gói:

Ngày 03/10/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182.5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 445.205đ. Anh L đã trả đủ tiền gốc.

53. Trần B, sinh ngày 08/3/1995, trú tại: Tổ dân phố Minh Lợi, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 05/10/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182.5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 500.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 445.205đ. Anh B chưa trả tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 15/10/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182.5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 250.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 222.603đ. Anh B chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **667.808đ**

- Anh B còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **15.000.000đ**.

54. Phan Thanh N, sinh ngày 15/02/1992, trú tại: Khu phố 1, phường B, thị xã B, vay 02 gói, cụ thể:

- Gói 1: Ngày 08/10/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182.5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 20 ngày là 1.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 890.411đ. Anh N chưa trả tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 26/10/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182.5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 250.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 222.603đ. Anh N đã trả đủ tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **1.113.014đ**.

- Anh N còn nợ N tiền gốc là: **10.000.000đ**.

55. Trần L, sinh ngày 26/4/2000, trú tại: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, vay 01 gói:

Ngày 09/10/2019 vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi tính 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 15 ngày là 2.100.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **1.935.616đ**. Anh L đã trả đủ tiền gốc.

56. Trần Quang M, sinh ngày 14/02/1992, trú tại: Khu phố 2, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, vay 04 gói:

- Gói 1: Ngày 17/10/2019 vay số tiền 16.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 2.400.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.136.986đ. Anh M chưa trả tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 21/10/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 20 ngày là 500.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 445.205đ. Anh M chưa trả tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 10/11/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 250.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 222.603đ. Anh M chưa trả tiền gốc.

- Gói 4: Ngày 18/12/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 500.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: 445.205đ. Anh M chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **3.250.000đ**.

- Anh M còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **36.000.000đ**.

57. Trần Văn H, sinh ngày 06/9/1989, trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, vay 01 gói:

Ngày 06/9/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 300.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **272.603đ**. Anh H chưa trả tiền gốc.

58. Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/10/1984, trú tại: Tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 07/9/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 60 ngày là 3.600.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.271.233đ. Chị T chưa trả tiền gốc.

- Gói 2 trả góp: Ngày 13/10/2019 vay số tiền 18.000.000đ, thời hạn vay 60 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 3.240.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.648.219đ. Chị T đã trả tiền gốc cho N 46 ngày là: 13.800.000đ, còn nợ gốc 4.200.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **5.919.452đ**, trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp gói 2, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 2.648.219đ.

- Chị T còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **14.200.000đ**.

59. Trần Quang H, sinh ngày 04/6/1994, trú tại: Tổ dân phố Trường Sơn, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, vay 01 gói:

Ngày 02/12/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm, N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 1.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **1.335.616đ**. Anh H đã trả đủ tiền gốc.

60. Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 07/7/1980, trú tại: Tổ dân phố Minh Lợi, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, vay 01 gói: Ngày 26/10/2019 vay số tiền 40.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 7.200.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **6.542.466đ**. Chị H đã trả đủ tiền gốc.

61. Nguyễn Thị C, sinh ngày 12/5/1966, trú tại: Khu phố 4, phường B, thị xã B, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 17/12/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 700.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 645.205đ. Chị C chưa trả tiền gốc.

- Gói 2 trả góp: Ngày 23/12/2019 vay số tiền 18.000.000đ, thời hạn vay 60 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 3.240.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.648.219đ. Chị C đã trả tiền gốc 30 ngày là: 9.000.000đ, còn nợ gốc 9.000.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **3.293.424đ**, trong đó Võ Đức Hùng thu tiền trả góp gói 2, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 2.648.219đ.

- Chị C còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **19.000.000đ**.

62. Đinh Thị T, sinh năm 1977, cư trú tại: Khu phố 6, phường B, thị xã B, vay 01 gói:

Ngày 17/11/2019 vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 20 ngày là 2.400.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **2.180.822đ**. Chị T chưa trả tiền gốc.

63. Trịnh Thị T, sinh ngày 20/9/1954, cư trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, vay 01 gói:

Ngày 17/10/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi tính 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 30 ngày là 1.500.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: **1.335.616đ**. Chị T chưa trả tiền gốc.

64. Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/10/1961, cư trú tại: Khu phố 4, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, vay 01 gói:

Ngày 21/11/2019 vay số tiền 16.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 10 ngày là 1.120.000đ, trong đó thu lợi bất chính là: **1.032.329đ**. Chị H chưa trả tiền gốc.

65. Nguyễn Thị P, sinh ngày 30/7/1991, cư trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 22/11/2019 vay số tiền 30.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 20 ngày là 4.200.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.871.233. Chị P chưa trả tiền gốc.

- Gói 2 trả góp: Ngày 12/12/2019 vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 100 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 9.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 7.356.164đ. Chị P đã trả tiền gốc cho N 15 ngày là: 4.500.000đ, còn nợ gốc 25.500.000đ.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **11.227.397đ**, trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp gói 2, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 7.356.164đ.

- Chị P còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **55.500.000đ**.

66. Hồ Thị Thanh B, sinh ngày 30/8/1971, cư trú tại: Khu phố 2, phường B, thị xã B, vay 01 gói:

Ngày 26/11/2019 vay số tiền 6.000.000đ, tiền lãi 6.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 219%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 20 ngày là 720.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **654.247đ**. Chị B chưa trả tiền gốc.

67. Nguyễn Thị V, sinh ngày 02/10/1967, cư trú tại: Khu phố 2, phường B, thị xã B, vay 03 gói:

- Gói 1 trả góp: Tháng 11/2019 vay số tiền 6.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 540.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 441.370đ. Chị V đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2 trả góp: Tháng 12/2019 vay số tiền 6.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 540.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 441.370đ. Chị V đã trả tiền gốc cho N được 24 ngày là 4.800.000đ, còn nợ gốc 1.200.000đ.

- Gói 3: Ngày 16/12/2019 vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 7.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 255,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 20 ngày là 700.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 645.205. Chị V chưa trả tiền gốc.

- Võ Văn N thu lợi bất chính số tiền là: **1.527.945đ**, trong đó Võ Đức H thu tiền trả góp gói 1 và 2, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 882.740đ.

- Chị V còn nợ N tiền gốc các gói vay là: **6.200.000đ**.

68. Trần Thị Kim T, sinh ngày 19/9/1965, cư trú tại: Khu phố 4, phường B, thị xã B, vay 01 gói trả góp:

Ngày 26/10/2019 vay số tiền 35.000.000đ, thời hạn vay 70 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 7.350.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **6.007.534đ**. Chị T đã trả tiền gốc cho N được 36 ngày là 18.000.000đ, còn nợ gốc là **17.000.000đ**. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính: **6.007.534đ**.

69. Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/10/1972, cư trú tại: Khu phố 2, phường B, thị xã B, vay 01 gói trả góp:

Tháng 11/2019 vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 40 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 2.400.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **1.961.644đ**. Chị T đã trả tiền gốc cho N được 32 ngày là 16.000.000đ, còn nợ gốc là **4.000.000đ**. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính **1.961.644đ**.

70. Hoàng Thị H, sinh ngày 13/6/1963, cư trú tại: Khu phố 2, phường B, thị xã B, vay 01 gói trả góp:

Ngày 28/11/2019 vay số tiền 12.000.000đ, thời hạn vay 40 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 1.440.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.176.986đ. Chị H đã trả tiền gốc

cho N được 31 ngày là 9.300.000đ, còn nợ gốc là 2.700.000đ. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính **1.176.986đ**.

71. Trần Thị N, sinh ngày 20/10/1967, cư trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, vay 01 gói trả góp:

Tháng 11/2019 vay số tiền 40.000.000đ, thời hạn vay 40 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5% năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 4.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 3.923.288đ. Chị N đã trả tiền gốc cho N được 34 ngày là 34.000.000đ, còn nợ gốc là 6.000.000đ. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính **3.923.288đ**.

72. Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/10/1979, cư trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, vay 01 gói trả góp:

Ngày 01/12/2019 vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, tiền lãi 4.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 146%/1 năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 3.000.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.589.041đ. Chị H đã trả tiền gốc cho N được 29 ngày là 8.700.000đ, còn nợ gốc là 6.300.000đ. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính: **2.589.041đ**.

73. Trần Thị N, sinh ngày 10/02/1978, cư trú tại: Khu phố 2, phường B, thị xã B, vay 01 gói trả góp:

Tháng 11/2019 vay số tiền 24.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 2.160.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: **1.765.479đ**. Chị N đã trả đủ tiền gốc. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính **1.765.479đ**.

74. Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1976, cư trú tại: Khu phố 3, phường B, thị xã B, vay 01 gói trả góp:

Ngày 12/12/2019 vay số tiền 9.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 810.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 662.055đ. Chị K đã trả đủ tiền gốc. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính 662.055đ.

75. Hoàng Thị H, sinh ngày 08/8/1969, cư trú tại: Khu phố 2, phường B, thị xã B, vay 01 gói trả góp:

Ngày 20/12/2019 vay số tiền 21.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi 4.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 146%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 2.520.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.174.795đ. Chị H đã trả tiền gốc cho N được 9 ngày là 6.300.000đ, còn nợ gốc là 14.700.000đ. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính **2.174.795đ**.

76. Phan Thị Cẩm T, sinh ngày 12/9/1982, cư trú tại: Khu phố 6, phường B, thị xã B, vay 01 gói trả góp:

Ngày 22/12/2019 vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 40 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 2.400.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.961.644đ. Chị T đã trả tiền gốc

cho N được 07 ngày là 3.500.000đ, còn nợ gốc là 16.500.000đ. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính **1.961.644đ**.

77. Phạm Thị Mai H, sinh ngày 15/8/1981, cư trú tại: Khu phố 1, phường B, thị xã B, vay 01 gói trả góp:

Tháng 12/2019 vay số tiền 24.000.000đ, thời hạn vay 40 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 2.880.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 2.353.973đ. Chị H đã trả tiền gốc cho N được 03 ngày là 1.800.000đ, còn nợ tiền gốc là 22.200.000đ. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính **2.353.973đ**.

78. Nguyễn Thị V, sinh năm 1958, cư trú tại: Khu phố 2, phường B, thị xã B, vay 01 gói trả góp:

Ngày 21/12/2019 vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 40 ngày, tiền lãi 4.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 146%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 4.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 4.142.466đ. Chị V đã trả tiền gốc cho N được 37 ngày là 27.750.000đ, còn nợ tiền gốc là 2.250.000đ. Võ Đức H thu tiền trả góp, đồng phạm với N khoản thu lợi bất chính **4.142.466đ**.

79. Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 25/9/1980, cư trú tại: Tổ dân phố Thủy Sơn, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, vay 01 gói trả góp:

Ngày 24/12/2019 vay số tiền 21.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu trước tiền lãi của gói vay là 1.890.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 1.544.795đ. Chị H đã trả tiền gốc cho N được 3 ngày là 2.100.000đ, còn nợ tiền gốc là 18.900.000đ.

80. Nguyễn Xuân T, sinh ngày 10/01/1980, cư trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, vay 01 gói:

Ngày 27/5/2019 vay số tiền 20.000.000đ, tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. N đã thu tiền lãi của gói vay 180 ngày là 10.800.000đ, trong đó thu lợi bất chính số tiền là: 8.827.397đ. Anh T chưa trả tiền gốc cho N.

Quá trình khám xét nơi ở của Võ Văn N, Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 cây dao và 01 cây kiếm, là vũ khí thô sơ (kết luận giám định số 195/GĐ-PC09 ngày 11/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình). Hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ của Võ Văn N đã bị Công an tỉnh Quảng Bình xử lý hành chính phạt tiền 15.000.000đ.

Ngoài ra, trong sổ theo dõi vay tiền của Võ Văn N thể hiện còn nhiều người vay tiền nhưng không xác định được địa chỉ hoặc không có tại địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý.

- Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

(1) 20 hộp pháo hoa kích thước 14x12x12cm (loại 36 quả/hộp), mã ký hiệu C0834, sau khi giám định, nhập kho vật chứng 19 hộp pháo, khối lượng 26,8kg đã được niêm phong;

(2) Tiền mặt: 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng);

(3) 02 cuốn sổ bìa màu đen và 01 cuốn sổ bìa màu tím than, bên trong có ghi chữ và số; 07 tờ tài liệu ghi nội dung liên quan về hoạt động cho vay (chuyển theo hồ sơ vụ án).

(4) 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thúy V; 01 cuốn sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị Tt (đã xử lý trả lại cho chị V và chị T);

(5) 01 đầu thu camera màu đen, có mã số 3E03D00PBQFCQ51 đã qua sử dụng;

(6) 01 máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu DELL;

(7) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, phía trước có viền màu trắng, phía sau vỏ màu đen, có số sim 0988547375, số IMEL 355330087627867;

Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho Võ Văn N các vật chứng số (5), (6), (7) nêu trên;

(8) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, có số IMEL: 354866093901615; trong điện thoại có sim số thuê bao: 0911576333;

(9) 03 cây đao, 01 cây kiếm (đã xử lý hành chính, tịch thu);

- Về trách nhiệm dân sự: Võ Văn N đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 30.000.000 đồng theo Biên lai số AA/2015/No 0000730 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình

Tại Bản cáo trạng số 342/VKS-P3 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Võ Văn N tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại khoản Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự, truy tố Võ Đức H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Võ Văn N và Võ Đức H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về tội danh.

Bị cáo Võ Văn N trình bày: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp tiền để khắc phục một phần hậu quả và có bố là thương binh, xin được phạt tiền tội tàng trữ hàng cấm, đối với tội Cho vay lãi nặng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Võ Đức H trình bày: Quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Văn N phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt Võ Văn N từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng tội “Tàng trữ hàng cấm” và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt Võ Văn N từ 09 đến 12 tháng tù tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201, các điểm s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2

Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Đức H từ 04 đến 06 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về Trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Võ Văn N phải trả lại số tiền lãi thu vượt quá quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 cho các người vay. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc, tiền lãi 20% vì là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy vật chứng là pháo nổ; tịch thu sung ngân sách Nhà nước các vật chứng là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, tiếp tục tạm giữ 175.000.000 đồng và 30.000.000 đồng bị cáo nộp trong giai đoạn xét xử để đảm bảo cho việc thi hành án.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Võ Văn N thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; xin phạt tiền tội tàng trữ hàng cấm. Bị cáo Võ Đức H xin giảm nhẹ hình phạt .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và của Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt tất cả các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét các người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập, quá trình điều tra đã có lời khai, việc vắng mặt không gây trở ngại cho xét xử, do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn N và Võ Đức H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố về số tiền cho vay, số tiền thu được và số tiền thu lợi bất chính. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đã phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập được. Hội đồng xét xử đã có cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2018 đến tháng 12/2019, Võ Văn N đã cho 80 người tại các địa bàn: B, Q, B vay 188 gói vay, với tổng số tiền gốc cho vay là 4.012.000.000đ (Bốn tỷ, không trăm mười hai triệu đồng), mức lãi suất thấp nhất 109,5%/năm, cao nhất 365%/năm; gấp 5,47 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Võ Văn N đã thu tổng số tiền gốc 1.886.150.000đ, tiền lãi 20% (được phép thu) là 113.416.438đ, tiền thu lợi bất chính là

933.118.562đ (Chín trăm ba mươi ba triệu, một trăm mười tám nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng), tiền gốc người vay chưa trả là 2.125.850.000 đồng.

Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2019, Võ Đức H hàng ngày đi thu tiền trả góp của 30 người trong số 80 người vay nói trên về nộp lại cho Võ Văn N, do đó Võ Đức H đồng phạm với Võ Văn N đối với 35 gói vay có số tiền thu lợi bất chính là 114.969.932đ (Một trăm mười bốn triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng).

Hành vi cho vay với mức lãi suất gấp 05 lần trở lên lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền 933.118.562 đồng của bị cáo Võ Văn N và thu lợi bất chính 114.969.932 đồng của Võ Đức H đã cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong tháng 12/2019 Võ Văn N còn thực hiện hành vi tàng trữ hàng cấm là 20 hộp pháo nổ có khối lượng 28,2kg tại nơi ở thuộc Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên phạm vào tội: "Tàng trữ hàng cấm" quy định tại khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi Cho vay lãi nặng của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Hiện nay, tình hình cho vay lãi nặng đang là vấn đề được Đảng và Nhà nước quan tâm, hành vi cho vay lãi nặng bị N cấm tuyệt đối nhưng các bị cáo vẫn bất chấp, các bị cáo lợi dụng việc cho vay, lợi dụng hoàn cảnh khó khăn cấp bách của người đi vay để cho vay với lãi suất cao (lãi nặng) nhằm thu lợi bất chính, làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm đơn giản, trong đó Võ Văn N vừa là người quản lý vừa là người thực hành, Võ Đức H là người thực hành.

Đối với tội Tàng trữ hàng cấm của bị cáo Võ Văn N đã xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý các loại hàng hoá mà nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng... với lỗi cố ý trực tiếp, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Như vậy, các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên đã phạm tội. Nên cần xử phạt mức án tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm giáo dục răn đe và phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Võ Văn N thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều có nhân thân tốt; bị cáo N đã nộp khắc phục hậu quả với số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo N có đề nghị số tiền thu giữ được khi khám xét 175.000.000 đồng chuyển sang nộp khắc phục hậu quả, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có bố là ông Võ Văn

Định là thương binh – là người có công với cách mạng, bị cáo tham gia cứu người bị tai nạn giao thông, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo Võ Văn N.

Đối với bị cáo Võ Đức H có tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít N trọng, có ông ngoại là Nguyễn Văn H được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 – là người có công với cách mạng, do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận xét trên: Đối với bị cáo Võ Văn N: Bị cáo N phạm tội tàng trữ hàng cấm được quy định tại khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự, bị cáo trình bày xin được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, Bị cáo xuất trình sổ tiết kiệm với số tiền 50.000.000 đồng và giao nộp để đảm bảo cho hình phạt này, bị cáo cam đoan chấp hành đầy đủ khi được Hội đồng xét xử xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 có quy định về áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với người phạm tội ít N trọng, N trọng hoặc rất N trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật hình sự quy định. Theo khoản 2, Mục I tại giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề về hình sự, tố tụng hình sự, dân sự, tố tụng dân sự có hướng dẫn về giải quyết các vụ án buôn bán, tàng trữ, vận chuyển pháo nổ, thuốc lá điều nhập lậu hiện nay: “Các vi phạm về trật tự quản lý kinh tế cần được tăng cường xử lý bằng hình phạt tiền và các chế tài khác về kinh tế để đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý các vi phạm này”. Bị cáo Võ Văn N có điều kiện để chấp hành hình phạt chính là phạt tiền, đảm bảo cho việc thi hành án sau này. Do vậy, nghĩ nên áp dụng hình phạt chính phạt tiền đối với bị cáo N, mức hình phạt theo quy định tại Điều 190 của Bộ luật hình sự là từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, nghĩ nên phạt bị cáo theo mức đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa với số tiền 70.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo Võ Văn N, Võ Đức H ra khỏi đời sống xã hội, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Bị cáo H có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tham gia với vai trò thứ yếu là người thực hành, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xét xử dưới khung hình phạt cũng đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với H và phòng ngừa chung cho xã hội, đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Đối với hình phạt bổ sung: Các bị cáo khai làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

Đối với Võ Văn N: Đã cho vay 4.012.000.000 đồng, thu của 80 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền gốc 1.886.150.000 đồng, số tiền gốc chưa thu được từ

các người vay 2.125.850.000 đồng, do đó cần buộc các người vay nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước vì số tiền này là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể:

Buộc Đoàn Thị B nộp lại 89.200.000đ; Võ Minh T nộp lại 280.000.000đ; Nguyễn Hùng N nộp lại 450.000.000đ; Phan Thị T nộp lại: 80.000.000đ; Trần Thị N nộp lại : 18.000.000đ; Nguyễn Thị H nộp lại 56.000.000đ; Nguyễn Thị O nộp lại : 45.200.000đ; Nguyễn H nộp lại 15.000.000đ; Đặng Thị Tiểu H nộp lại 36.500.000đ; Nguyễn Thị Hoài V nộp lại 10.000.000đ; Hoàng Thị H nộp lại 120.000.000đ; Nguyễn Thị H nộp lại 51.700.000đ; Trần Thị N nộp lại 5.000.000đ; Nguyễn Thị H nộp lại 4.500.000đ; Hoàng Thị H nộp lại 10.000.000đ; Nguyễn Thị K nộp lại 13.100.000đ; Nguyễn Thị M nộp lại 90.000.000đ; Nguyễn Thị H nộp lại 5.000.000đ; Nguyễn Thị H nộp lại 40.000.000đ; Nguyễn Thị N nộp lại 20.000.000đ; Nguyễn Thị Thanh X nộp lại 16.200.000đ; Trương Thị H nộp lại 45.000.000đ; Dương Thị B nộp lại 24.000.000đ; Nguyễn Thị L nộp lại 37.600.000đ; Trần Thị Sông H nộp lại 31.000.000đ; Quảng Thị Kim H nộp lại 1.500.000đ; Dương Thị L nộp lại 20.000.000đ; Nguyễn Thị Tổ N nộp lại 25.900.000đ; Phạm Hoàng L nộp lại 30.000.000đ; Phan Thùy T nộp lại 25.000.000đ; Nguyễn Hồng T nộp lại : 20.000.000đ; Võ Trung H nộp lại 15.000.000đ; Dương Thị B nộp lại 50.000.000đ; Nguyễn Thanh P nộp lại 7.000.000đ; Trần B nộp lại : 15.000.000đ; Phan Thanh N nộp lại 10.000.000đ; Trần Quang M nộp lại 36.000.000đ; Trần Văn H nộp lại 5.000.000đ; Nguyễn Thị Tr nộp lại 14.200.000đ; Nguyễn Thị C nộp lại 19.000.000đ; Đinh Thị T nộp lại 20.000.000đ; Trịnh Thị T nộp lại 10.000.000đ; Nguyễn Thị H nộp lại 16.000.000đ; Nguyễn Thị P, nộp lại 55.500.000đ; Hồ Thị Thanh B nộp lại 6.000.000đ; Nguyễn Thị V, nộp lại 6.200.000đ; Trần Thị Kim T nộp lại 17.000.000đ; Nguyễn Thị N nộp lại 4.000.000đ; Hoàng Thị H nộp lại 2.700.000đ; Trần Thị N nộp lại 6.000.000đ; Nguyễn Thị H nộp lại 6.300.000đ; Hoàng Thị H nộp lại 14.700.000đ; Phan Thị Cẩm T nộp lại 16.500.000đ; Phạm Thị Mai H nộp lại 22.200.000đ; Nguyễn Thị V nộp lại 2.250.000đ; Nguyễn Thị Thanh H nộp lại 18.900.000đ; Nguyễn Xuân T nộp lại 20.000.000đ

Số tiền lãi 20% mà bị cáo N và bị cáo H đã thu của những người vay với số tiền 113.416.438 đồng cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Đối với Võ Đức H: Bị cáo H khai về nộp lãi cho bị cáo N để N trả tiền công, bị cáo N thừa nhận tiền của bị cáo bỏ ra để cho vay và thu lãi, trả công cho bị cáo H. Bị cáo N đồng ý nộp toàn bộ số tiền theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này mà không buộc H phải liên đới chịu trách nhiệm.

[5] Về trách nhiệm dân sự

Võ Văn N và Võ Đức H đã thu lãi vượt quá của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do đó buộc phải trả lại. Trong đó, buộc N phải trả lại 933.118.652 đồng lãi vượt quá, gồm các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

Trần Văn H: 1.134.247 đ; Nguyễn Thị Thúy V 2.835.616 đ; Trần Thị T 2.726.027đ; Nguyễn Thái T : 967.808đ; Hoàng Minh T 8.547.945đ. Đoàn Thị B 26.634.176đ; Nguyễn Thế H: 3.434.795đ; Võ Minh T: 53.424.657đ; Nguyễn Hùng N: 207.465.753đ; Phan Thị T: 44.519.178đ; Trần Thị N: 33.669.863đ; Trần Bình A:

2.003.425đ; Nguyễn Thị T: 23.373.287đ; Nguyễn Thị H: 25.209.589đ; Nguyễn Thị O: 33.188.904đ; Nguyễn H: 2.671.232đ; Trần Tiến D: 3.271.232đ; Đặng Thị Tiểu H: 22.228.082đ; Trần Thị L: 12.020.548đ ; Phạm Thị H: 7.345.891đ; Nguyễn Quốc T: 4.006.849đ; Võ Thị N: 11.039.725đ; Nguyễn Thị Hoài V: 5.642.465đ; Hoàng Thị H: 42.583.562đ; Nguyễn Thị H: 10.144.521đ; Trần Thị N: 890.411đ; Nguyễn Thị H: 4.373.658đ; Phan Thị Minh H: 10.631.507đ; Hoàng Thị H: 36.131.505đ; Nguyễn Thị K: 6.875.754đ; Nguyễn Thị M: 32.905.480đ; Nguyễn Thị H: 8.123.562đ; Nguyễn Thị H: 16.131.507đ; Nguyễn Thị N: 8.013.699đ; Nguyễn Thị Thanh X: 13.297.945đ; Trương Thị H: 21.420.821đ; Dư Thị N: 4.634.247đ; Dương Thị : 9.808.219đ; Đậu Thị N: 10.065.206đ; Nguyễn Thị L: 11.619.042đ; Trần Thị Sông H: 9.056.576đ; Quảng Thị Kim H: 1.103.425đ; Dương Thị L : 3.871.233đ; Nguyễn Thị Tố N; : 8.511.370đ; Phạm Hoàng L: 13.807.397đ; Phan Thùy T: 4.452.054đ; Nguyễn Hồng T: 5.452.055đ; Võ Trung H: 2.206.849đ; Trần Ngọc C: 1.335.616đ; Dương Thị B: 14.194.521đ; Nguyễn Thanh P: 2.289.863 đồng; Hà Ngọc L: 445.205đ; Trần B: 667.808đ; Phan Thanh N: 1.113.014đ; Trần L: 1.935.616đ; Trần Quang M: 3.250.000đ; Trần Văn H: 272.630 đ; Nguyễn Thị T 5.919.452đ; Trần Quang H: 1.335.616đ; Nguyễn Thị Thu H: 6.542.466đ; Nguyễn Thị C 3.293.424đ; Đinh Thị T: 2.180.822đ; Trịnh Thị T: 1.335.616đ; Nguyễn Thị H: 1.032.329đ; Nguyễn Thị P: 11.227.397đ; Hồ Thị Thanh B: 654.247đ; Nguyễn Thị V: 1.527.945đ; Trần Thị Kim T: 6.007.534đ; Nguyễn Thị N: 1.961.644 đồng; Hoàng Thị H: 1.176.986đ; Trần Thị N: 3.923.288đ; Nguyễn Thị H: 2.589.041đ; Trần Thị N: 1.765.479đ; Nguyễn Thị Thu K: 662.055đ; Hoàng Thị H: 2.174.795đ; Phan Thị Cẩm T: 1.961.644đ; Phạm Thị Mai H: 2.353.973đ; Nguyễn Thị V: 4.142.466đ; Nguyễn Thị Thanh H: 1.544.795đ; Nguyễn Xuân T: 8.827.397đ.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 20 hộp pháo hoa kích thước 14x12x12cm (loại 36 quả/hộp), mã ký hiệu C0834, sau khi giám định, nhập kho vật chứng 19 hộp pháo, khối lượng 26,8kg đã được niêm phong cẩn tịch thu tiêu hủy

- Tạm giữ số tiền mặt: 175.000.000đ thu giữ khi khám xét nhà của bị cáo Võ Văn N và 30.000.000 đồng bị cáo nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo cho việc thi hành án.

- 02 cuốn sổ bì màu đen và 01 cuốn sổ bì màu tím than, bên trong có ghi chữ và số; 07 tờ tài liệu ghi nội dung liên quan về hoạt động cho vay (chuyển theo hồ sơ vụ án).

Tịch thu: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, có số IMEL: 354866093901615; trong điện thoại có sim số thuê bao: 0911576333;

[7] Quá trình khám xét nơi ở của Võ Văn N, Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 cây dao và 01 cây kiếm, là vũ khí thô sơ. Hành vi này đã bị Công an tỉnh Quảng Bình xử lý hành chính phạt tiền 15.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

Ngoài ra, trong sổ theo dõi vay tiền của Võ Văn N thể hiện còn nhiều người vay tiền nhưng không xác định được địa chỉ hoặc không có tại địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý.

[9 Về án phí: Các bị cáo Võ Văn N, Võ Đức H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Võ văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, buộc bị

cáo N phải trả lại 933.118.652 đồng, được khấu trừ 30.000.000 đồng nộp khắc phục hậu quả nên còn phải trả 903.118.652 đồng, án phí dân sự sơ thẩm sẽ là 36.000.000 đồng + (3.118.652 đồng x 3%) = 36.093.500 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Văn N phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Tuyên bố bị cáo Võ Văn N và bị cáo Võ Đức H phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt: Võ Văn N 08 (tám) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn tù tính từ chấp hành án nhưng được tính trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam trước từ ngày 29/12/2019 đến ngày 27/3/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Phạt bị cáo Võ Văn N: 70.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng) về tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm s, i khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, phạt: Võ Đức H 04 (bốn) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam trước từ ngày 30/12/2019 đến ngày 27/02/2020.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Võ Văn N và bị cáo Võ Đức H

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1 Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc 4.012.000.000 đồng mà bị cáo Võ Văn N dùng để cho vay. Trong đó: Buộc bị cáo Võ Văn N phải nộp lại 1.886.150.000 đồng;

Buộc các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền 2.125.850.000 đồng là tiền mà bị cáo Võ Văn N cho vay chưa trả để sung vào Ngân sách nhà nước, cụ thể:

Buộc Đoàn Thị B nộp lại 89.200.000 đồng; Võ Minh T nộp lại 280.000.000 đồng; Nguyễn Hùng N nộp lại 450.000.000 đồng; Phan Thị T nộp lại: 80.000.000 đồng; Trần Thị N nộp lại: 18.000.000 đồng; Nguyễn Thị H nộp lại 56.000.000 đồng; Nguyễn Thị O nộp lại : 45.200.000 đồng; Nguyễn H nộp lại 15.000.000 đồng; Đặng Thị Tiểu H nộp lại 36.500.000 đồng; Nguyễn Thị Hoài V nộp lại 10.000.000 đồng; Hoàng Thị H nộp lại 120.000.000 đồng; Nguyễn Thị H nộp lại 51.700.000 đồng; Trần Thị N nộp lại 5.000.000 đồng; Nguyễn Thị H nộp lại 4.500.000 đồng; Hoàng Thị H, nộp lại 10.000.000đồng; Nguyễn Thị K nộp lại 13.100.000 đồng; Nguyễn Thị M nộp lại 90.000.000 đồng; Nguyễn Thị H nộp lại 5.000.000 đồng; Nguyễn Thị H nộp lại

40.000.000 đồng; Nguyễn Thị N nộp lại 20.000.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh X nộp lại 16.200.000 đồng; Trương Thị H nộp lại 45.000.000 đồng; Dương Thị B nộp lại 24.000.000 đồng; Nguyễn Thị L nộp lại 37.600.000 đồng; Trần Thị Sông H nộp lại 31.000.000 đồng; Quảng Thị K nộp lại 1.500.000 đồng; Dương Thị L nộp lại 20.000.000 đồng; Nguyễn Thị Tố N nộp lại 25.900.000 đồng; Phạm Hoàng L nộp lại 30.000.000 đồng; Phan Thùy T nộp lại 25.000.000 đồng; Nguyễn Hồng T nộp lại : 20.000.000 đồng; Võ Trung H nộp lại 15.000.000 đồng; Dương Thị B nộp lại 50.000.000 đồng; Nguyễn Thanh P nộp lại 7.000.000 đồng; Trần B nộp lại: 15.000.000 đồng; Phan Thanh N nộp lại 10.000.000 đồng; Trần Quang M nộp lại 36.000.000 đồng; Trần Văn H nộp lại 5.000.000 đồng; Nguyễn Thị T nộp lại 14.200.000 đồng; Nguyễn Thị C nộp lại 19.000.000 đồng; Đinh Thị T nộp lại 20.000.000 đồng; Trịnh Thị T nộp lại 10.000.000 đồng; Nguyễn Thị H nộp lại 16.000.000 đồng; Nguyễn Thị P nộp lại 55.500.000 đồng; Hồ Thị Thanh B nộp lại 6.000.000 đồng; Nguyễn Thị V nộp lại 6.200.000 đồng; Trần Thị Kim T nộp lại 17.000.000 đồng; Nguyễn Thị N nộp lại 4.000.000 đồng; Hoàng Thị H nộp lại 2.700.000 đồng; Trần Thị N nộp lại 6.000.000 đồng; Nguyễn Thị H nộp lại 6.300.000 đồng; Hoàng Thị Hg nộp lại 14.700.000 đồng; Phan Thị Cẩm T nộp lại 16.500.000 đồng; Phạm Thị Mai H nộp lại 22.200.000 đồng; Nguyễn Thị V nộp lại 2.250.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh H nộp lại 18.900.000 đồng; Nguyễn Xuân T nộp lại 20.000.000 đồng.

3.2 Buộc bị cáo Võ Văn N nộp lại số tiền 113.416.438 đồng là số tiền lãi 20% đã thu của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015,

4.1 Buộc Võ Văn N có trách nhiệm trả lại 933.118.652 đồng là số tiền lãi thu vượt quá quy định của Bộ luật dân sự cho các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

Trả cho: Trần Văn H: 1.134.247 đồng; Nguyễn Thị Thúy V 2.835.616 đồng; Trần Thị T 2.726.027 đồng; Nguyễn Thái T: 967.808 đồng; Hoàng Minh T 8.547.945 đồng. Đoàn Thị B 26.634.176 đồng. Nguyễn Thế H: 3.434.795 đồng; Võ Minh T: 53.424.657 đồng; Nguyễn Hùng N: 207.465.753 đồng; Phan Thị T: 44.519.178 đồng; Trần Thị N: 33.669.863 đồng; Trần Bình A: 2.003.425 đồng; Nguyễn Thị T: 23.373.287 đồng; Nguyễn Thị H: 25.209.589 đồng; Nguyễn Thị O 33.188.904 đồng; Nguyễn H: 2.671.232 đồng; Trần Tiến D: 3.271.232 đồng; Đặng Thị Tiểu H: 22.228.082 đồng; Trần Thị L: 12.020.548 đồng; Phạm Thị H: 7.345.891 đồng; Nguyễn Quốc T: 4.006.849 đồng; Võ Thị N 11.039.725 đồng; Nguyễn Thị Hoài V 5.642.465 đồng; Hoàng Thị H 42.583.562 đồng; Nguyễn Thị H 10.144.521 đồng; Trần Thị N: 890.411 đồng; Nguyễn Thị H : 4.373.658; Phan Thị Minh H: 10.631.507 đồng; Hoàng Thị H: 36.131.505 đồng; Nguyễn Thị K 6.875.754 đồng; Nguyễn Thị M: 32.905.480 đồng; Nguyễn Thị H: 8.123.562 đồng; Nguyễn Thị H: 16.131.507 đồng; Nguyễn Thị N: 8.013.699 đồng; Nguyễn Thị Thanh X: 13.297.945 đồng; Trương Thị H: 21.420.821 đồng; Dư Thị N: 4.634.247 đồng; Dương Thị B: 9.808.219 đồng; Đậu Thị N: 10.065.206 đồng; Nguyễn Thị L: 11.619.042 đồng; Trần Thị Sông H: 9.056.576 đồng; Quảng Thị Kim H: 1.103.425 đồng; Dương Thị L : 3.871.233 đồng; Nguyễn Thị Tố

N: 8.511.370 đồng; Phạm Hoàng L: 13.807.397 đồng; Phan Thùy T: 4.452.054 đồng; Nguyễn Hồng T: 5.452.055 đồng; Võ Trung H: 2.206.849 đồng; Trần Ngọc C: 1.335.616 đồng; Dương Thị B: 14.194.521 đồng; Nguyễn Thanh P: 2.289.863 đồng; Hà Ngọc L: 445.205 đồng; Trần B: 667.808 đồng; Phan Thanh N: 1.113.014 đồng; Trần L: 1.935.616 đồng; Trần Quang M: 3.250.000 đồng; Trần Văn H: 272.630 đồng; Nguyễn Thị T: 5.919.452 đồng; Trần Quang H: 1.335.616 đồng; Nguyễn Thị Thu H: 6.542.466 đồng; Nguyễn Thị C: 3.293.424 đồng; Đinh Thị T: 2.180.822 đồng; Trịnh Thị T: 1.335.616 đồng; Nguyễn Thị H: 1.032.329 đồng; Nguyễn Thị P: 11.227.397 đồng; Hồ Thị Thanh B: 654.247 đồng; Nguyễn Thị V: 1.527.945 đồng; Trần Thị Kim T: 6.007.534 đồng; Nguyễn Thị N: 1.961.644 đồng; Hoàng Thị H: 1.176.986 đồng; Trần Thị N: 3.923.288 đồng; Nguyễn Thị H: 2.589.041 đồng; Trần Thị N: 1.765.479 đồng; Nguyễn Thị Thu K: 662.055 đồng; Hoàng Thị H: 2.174.795 đồng; Phan Thị Cẩm T: 1.961.644 đồng; Phạm Thị Mai H: 2.353.973 đồng; Nguyễn Thị V: 4.142.466 đồng; Nguyễn Thị Thanh H: 1.544.795 đồng; Nguyễn Xuân T: 8.827.397 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Xử lý vật chứng, đồ vật còn tạm giữ, nhập vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

5.1 Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước các vật chứng là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội : 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, có số IMEL: 354866093901615; trong điện thoại có sim số thuê bao: 0911576333;

5.2 Tiêu hủy: 19 hộp pháo hoa kích thước 14 x 12 x 12cm (loại 36 quả/hộp), mã ký hiệu C0834 còn lại sau khi giám định, khối lượng 26,8kg đã được niêm phong .

(Vật chứng hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình có đặc điểm, số lượng theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 27/5/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình).

5.3 Tạm giữ số tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 175.000.000 đồng và 30.000.000 đồng của Võ Văn N nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án.

5.4 Lưu tại Hồ sơ vụ án những tài liệu có ý nghĩa chứng minh tội phạm: 02 cuốn sổ bìa màu đen và 01 cuốn sổ bìa màu tím than, bên trong có ghi chữ và số; 07 tờ tài liệu ghi nội dung liên quan về hoạt động cho vay .

6. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử buộc Võ Văn N, Võ Đức Hùng, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Buộc bị cáo Võ Văn N phải chịu 36.093.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Vụ GDKT 1 TANDTC
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Đức Long